

Name: \_\_\_\_\_

Date: ..../..../20....

Class: S5

Tel: 034 200 9294

## GLOBAL ENGLISH 5

### UNIT 1: TALKING ABOUT PEOPLE – VOCABULARY 1

- ❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.
- ❖ **Lưu ý 2:** Con không sử dụng dạng viết tắt của các trợ động từ ở thẻ phủ định.

#### A. VOCABULARY

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	<b>cheerful</b> (adj)	vui vẻ	7	<b>outgoing</b> (adj)	hướng ngoại, hoà đồng
2	<b>nervous</b> (adj)	lo lắng, bồn chồn	8	<b>bad-tempered</b> (adj)	nóng nảy, dễ cáu giận
3	<b>selfish</b> (adj)	ích kỷ	9	<b>quiet</b> (adj)	trầm tĩnh
4	<b>talkative</b> (adj)	hoạt ngôn	10	<b>calm</b> (adj)	bình tĩnh, điềm tĩnh
5	<b>hardworking</b> (adj)	chăm chỉ	11	<b>shy</b> (adj)	nhút nhát, bẽn lẽn
6	<b>generous</b> (adj)	hào phóng			

❖ Note: adj = Adjective: Tính từ.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

#### B. HOMEWORK

##### I. Circle the antonym.

0. *She is very talkative.*

A. *helpful*

B. *selfish*

C. *quiet*

1. Our students have to be very hardworking to get their goals.

A. *calm*

B. *lazy*

C. *cheerful*

2. Cashiers need to be outgoing because they often meet customers.

A. *shy*

B. *talkative*

C. *lively*

3. She never cares about anyone but herself. She is selfish.

A. *hardworking*

B. *generous*

C. *fair*

4. He usually stays calm in meetings.

A. *outgoing*

B. *quiet*

C. *worried*

5. She gets very bad-tempered when she is tired.

A. *shy*

B. *calm*

C. *loving*

## II. Choose the correct answer.

0. My father looks \_\_\_\_\_, but actually he is very nervous.  
A. nervous      B. selfish      C. calm

1. Mary is so \_\_\_\_\_. She always hides all the tasty sweets before her friends arrive.  
A. hardworking      B. selfish      C. lazy

2. They are quite \_\_\_\_\_. They have donated (*quyên góp*) to several charities (*từ thiện*).  
A. selfish      B. quiet      C. generous

3. My wife is always \_\_\_\_\_ in the morning. She gets angry at the slightest things.  
A. nervous      B. bad-tempered      C. calm

4. Andy is a \_\_\_\_\_ boy. He does not talk much in all situations (*tình huống*).  
A. quiet      B. talkative      C. outgoing

5. The young writer became angry when a \_\_\_\_\_ person sat next to her and chatted on the phone when she tried to work.  
A. selfish      B. talkative      C. shy

## III. Complete the sentences.

0. loves going out / My dad / with people. / He / so out-going. / is  
→ My dad loves going out with people. He is so out-going.

1. He / and / became bad-tempered / argued constantly.  
→ \_\_\_\_\_.

2. Could you tell / him / a selfish person? / he / was / that  
→ \_\_\_\_\_?

3. was generous in / My brother / sharing / with me. / his room  
→ \_\_\_\_\_.

4. Lucy / When / he came, / very talkative. / became  
→ \_\_\_\_\_.

5. was breathing quickly / She / trying to / and / keep calm.  
→ \_\_\_\_\_.

## IV. Make the sentences with your own ideas.

0. out-going    → My dad loves going out with people. He is so out-going.

1. nervous    → \_\_\_\_\_.

2. selfish    → \_\_\_\_\_.

3. calm    → \_\_\_\_\_.

4. shy    → \_\_\_\_\_.

**I. Complete the table.**

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
0	<u>fun</u>	(adj) vui vẻ	3	f_____	(adj) tuyệt vời
1	l_____	(adj) đầy yêu thương	4	h_____	(adj) hữu ích
2	f_____	(adj) công bằng	5	b_____	(adj) thông minh

❖ **Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 2 dòng.

**II. Choose the correct answer.**